

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 7 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đinh Thị Hạnh.
2. Bà Võ Thị Ngọc Mai.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số nhà 18, đường số 29, tổ 3, thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 02, đường số 37, tổ 7, thôn 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Trương Vĩnh Trung K, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số nhà 18, đường số 29, tổ 3, thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Th trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi Trần Thị Ngọc Th và ông Trương Vĩnh Trung K đã kết hôn vào năm 1999; chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; vợ chồng sống với nhau tính đến nay được 23 năm. Trong thời gian vợ chồng sống chung thì ông K là người chồng, cha không có trách nhiệm với vợ con và gia đình, ông K nhiều lần đánh đập tôi và các con.

Từ đó, tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên tôi làm đơn đến Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông K.

Về con chung: Chúng tôi có 04 (bốn) con chung có tên Trương Lan V, sinh ngày 02/11/1999; Trương Hào K, sinh ngày 17/12/2007; Trương Linh Đ, sinh ngày 21/10/2012 và Trương Hạo K, sinh ngày 30/10/2015. Nếu ly hôn tôi xin được nuôi cả 03 con chung là K, Đ và K1. Tôi không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung. Nay con V đã trên 18 tuổi nên con ở với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung có 01 thửa đất diện tích 196,5m<sup>2</sup> (Đất ở 120m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm 76,5m<sup>2</sup>), thửa đất số 267, tờ bản đồ số 108 tại giấy chứng nhận QSDĐ số DD 428670 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19/8/2021 đứng tên ông Trương Vĩnh Trung K và bà Trần Thị Ngọc Th; trên đất có xây dựng 01 căn nhà cấp 4, với giá trị nhà, đất và giếng nước được Hội đồng định giá là 520.450.000 đồng. Nay, tôi đề nghị Tòa án giao toàn bộ căn nhà, thửa đất và giếng nước cho ông K được quyền sở hữu và sử dụng, ông K phải bồi trả cho tôi số tiền bằng 40% của tổng giá trị tài sản đã được định giá là 520.450.000 đồng.

*- Bị đơn ông Trương Vĩnh Trung K trình bày:*

Nay tại Tòa án hòa giải thì tôi thống nhất toàn bộ nội dung vợ tôi tên Trần Thị Ngọc Th đã trình bày theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, về con chung, tài sản chung; cụ thể: Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu xin ly hôn của bà Th. Bởi vợ tôi là bà Th đã xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên đã làm đơn đến Tòa án giải quyết ly hôn với tôi (K).

Về con chung: Chúng tôi có 04 (bốn) con chung có tên Trương Lan V, sinh ngày 02/11/1999; Trương Hào K, sinh ngày 17/12/2007; Trương Linh Đ, sinh ngày 21/10/2012 và Trương Hạo K, sinh ngày 30/10/2015. Nếu ly hôn tôi đồng ý giao cho bà Th được quyền nuôi dưỡng 03 con chung là K, Đ và K1. Nay con V đã trên 18 tuổi nên con ở với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung có 01 thửa đất diện tích 196,5m<sup>2</sup> (Đất ở 120m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm 76,5m<sup>2</sup>), thửa đất số 267, tờ bản đồ số 108 tại giấy chứng nhận QSDĐ số DD 428670 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19/8/2021 đứng tên ông Trương Vĩnh Trung K và bà Trần Thị Ngọc Th; trên đất có xây dựng 01 căn nhà cấp 4. Nay ông K đề nghị Tòa án giao toàn bộ căn nhà, thửa đất và giếng nước cho ông K được quyền sở hữu và sử dụng, ông K đồng ý bồi trả cho bà Th số tiền bằng 40% của tổng giá trị tài sản đã được định giá là 520.450.000 đồng.

*Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho bà Trần Thị Ngọc Th ly hôn với ông Trương Vĩnh Trung K.

Về con chung có 04 (bốn) con chung có tên Trương Lan V, sinh ngày 02/11/1999; Trương Hào K, sinh ngày 17/12/2007; Trương Linh Đ, sinh ngày 21/10/2012 và Trương Hạo K, sinh ngày 30/10/2015; hiện các con còn nhỏ và đang sinh sống với bà Th. Nay con V đã trên 18 tuổi; còn các con K, Đ và K1 thì bà Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy ý kiến của các con K, Đ là muốn ở với bà Th, do đó xem xét giao các con K, Đ và K1 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con, và theo sự thống nhất việc ông K đồng ý giao các con K, Đ và K1 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Th không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung có 01 thửa đất diện tích 196,5m<sup>2</sup> (Đất ở 120m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm 76,5m<sup>2</sup>), thửa đất số 267, tờ bản đồ số 108 tại giấy chứng nhận QSDĐ số DD 428670 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19/8/2021 đứng tên ông Trương Vĩnh Trung K và bà Trần Thị Ngọc Th; trên đất có xây dựng 01 căn nhà cấp 4, với giá trị nhà, đất và giếng nước được Hội đồng định giá là 520.450.000 đồng. Nay, theo ý kiến của các bên đương sự đã thỏa thuận việc phân chia tài sản chung; đề nghị Tòa án giao toàn bộ căn nhà, thửa đất và giếng nước cho ông K được quyền sở hữu và sử dụng, ông K phải bồi trả cho bà Th số tiền bằng 40% của tổng giá trị tài sản đã được định giá là 520.450.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

#### **[2] Nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc Th và ông Trương Vĩnh Trung K đã kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; vợ chồng sống với nhau tính đến nay được 23 năm. Trong thời gian sống chung thì ông K là người chồng, cha không có trách nhiệm với vợ con và gia đình, ông K nhiều lần đánh đập bà Th và các con. Từ đó, bà Th xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên bà Th làm đơn đến Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông K.

Nay, bà Trần Thị Ngọc Th và ông Trương Vĩnh Trung K đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 04 (bốn) con chung có tên Trương Lan V, sinh ngày 02/11/1999; Trương Hào K, sinh ngày 17/12/2007; Trương Linh Đ, sinh ngày 21/10/2012 và Trương Hạo K, sinh ngày 30/10/2015. Nay con V đã trên 18 tuổi; còn con K, Đ và K1 thì bà Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy ý kiến của các con K, Đ là muốn ở với bà Th, do đó xem xét giao các con K, Đ và K1 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con, và theo sự thống nhất việc ông K đồng ý giao các con K, Đ và K1 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Th không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung.

[2.3] Về tài sản chung: 01 thửa đất diện tích 196,5m<sup>2</sup> (Đất ở 120m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm 76,5m<sup>2</sup>), thửa đất số 267, tờ bản đồ số 108 tại giấy chứng nhận QSDĐ số DD 428670 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19/8/2021 đứng tên ông Trương Vĩnh Trung K và bà Trần Thị Ngọc Th, trên đất có xây dựng 01 căn nhà cấp 4; với giá trị nhà, đất và giếng nước được Hội đồng định giá là 520.450.000 đồng. Nay, theo ý kiến của các bên đương sự đã thỏa thuận việc phân chia tài sản chung; nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự là giao toàn bộ căn nhà, thửa đất và giếng nước cho ông K được quyền sở hữu và sử dụng, ông Kiên phải hoàn trả cho bà Th số tiền 208.180.000 đồng (bằng 40% của tổng giá trị tài sản đã được định giá là 520.450.000 đồng).

Bà Trần Thị Ngọc Th hiện nay đang giữ giấy chứng nhận QSDĐ số DD 428670 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19/8/2021 đứng tên ông Trương Vĩnh Trung K và bà Trần Thị Ngọc Th, nên buộc bà Th phải có trách nhiệm giao lại cho ông K; và ông Trương Vĩnh Trung K có trách nhiệm đăng ký, kê khai về thửa đất này đối với cơ quan có thẩm quyền trong việc chuyển tên người sử dụng đất theo quy định.

**[3] Về áp dụng án lệ:** Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

**[4] Về chi phí định giá tài sản:** Bà Th và ông K mỗi người phải chịu chi phí định giá tài sản theo giá trị tài sản được chia đối với số tiền 2.300.000 đồng do bà Th là người đã chi; cụ thể bà Th phải chịu số tiền 920.000 đồng tương ứng với 40% giá trị tài sản được chia (2.300.000 đồng x 40%); ông K phải chịu số tiền 1.380.000 đồng tương ứng với 60% giá trị tài sản được chia (2.300.000 đồng x 60%) nên buộc ông K phải hoàn trả cho bà Th số tiền 1.380.000 đồng.

**[5] Về án phí:** Bà Th là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; Bà Th và ông K mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về giá trị tài sản được chia.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 2 và khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, điểm a khoản 2 Điều 62, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc Th ly hôn ông Trương Vĩnh Trung K.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 (ba) con chung có tên Trương Hào K, sinh ngày 17/12/2007; Trương Linh Đ, sinh ngày 21/10/2012 và Trương Hạo K, sinh ngày 30/10/2015. Bà Th không yêu cầu ông Kiên phải cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về chia tài sản chung:

- Ông Trương Vĩnh Trung K được quyền sử dụng 01 thửa đất diện tích 196,5m<sup>2</sup> (Đất ở 120m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm 76,5m<sup>2</sup>), thửa đất số 267, tờ bản

đồ số 108 tại giấy chứng nhận QSDĐ số DD 428670 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19/8/2021 đứng tên ông Trương Vĩnh Trung K và bà Trần Thị Ngọc Th, và được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 và giếng nước trên đất; với giá trị nhà, đất và giếng nước được định giá là 520.450.000 đồng; trong đó ông K được nhận 60% của tổng giá trị tài sản, nên ông K phải thối trả cho bà Trần Thị Ngọc Th số tiền 208.180.000 đồng (bằng 40% của tổng giá trị tài sản đã được định giá là 520.450.000 đồng).

Buộc bà Trần Thị Ngọc Th có trách nhiệm giao giấy chứng nhận QSDĐ số DD 428670 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19/8/2021 đứng tên ông Trương Vĩnh Trung K và bà Trần Thị Ngọc Th cho ông K; và ông Trương Vĩnh Trung K có trách nhiệm đăng ký, kê khai về thửa đất này đối với cơ quan có thẩm quyền trong việc chuyển tên người sử dụng đất theo quy định.

- Buộc ông Trương Vĩnh Trung K phải hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc Th số tiền 208.180.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) về giá trị tài sản được chia.

Kể từ ngày bà Trần Thị Ngọc Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Trương Vĩnh Trung K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí định giá tài sản: Bà Trần Thị Ngọc Th phải chịu số tiền 920.000 đồng tương ứng với 40% giá trị tài sản được chia (2.300.000 đồng x 40%); ông Trương Vĩnh Trung K phải chịu số tiền 1.380.000 đồng tương ứng với 60% giá trị tài sản được chia (2.300.000 đồng x 60%) nên buộc ông K phải hoàn trả cho bà Th số tiền 1.380.000 đồng.

#### 5. Về án phí DSST:

- Bà Trần Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và phải chịu 10.409.000 đồng (Mười triệu bốn trăm lẻ chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về giá trị tài sản được chia, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 3.425.000 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) do bà Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009123 ngày 09 tháng 02 năm 2022. Bà Trần Thị Ngọc Th còn phải nộp 7.284.000 đồng (Bảy triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trương Vĩnh Trung K phải chịu 15.613.500 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm mười ba ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về giá trị tài sản được chia; nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (12/7/2022) để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Mê Pu;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quý**